

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016**

---

*Hải Phòng, tháng 07 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07 - 08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	
Bà Mai Thị Yên Thê	Thành viên	
Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Vũ Hữu Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Hoàng Văn Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 12/03/2016
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 12/03/2016

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 25/02/2016
Ông Bùi Tú Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/03/2016

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**TRẦN VIỆT HÙNG**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 27 tháng 07 năm 2016*



**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VACO TẠI HẢI PHÒNG**

499, Quán Toan  
Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam  
Tel : (84-31) 3534 655  
Fax : (84-31) 3534 316  
www.vaco.com.vn

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27/07/2016, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Lương Thị Thúy**

**Phó Giám đốc Chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1148-2013-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG**

Ngày 27 tháng 07 năm 2016

Tp. Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>252.637.716.912</b>	<b>230.216.059.309</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>153.604.539.033</b>	<b>144.989.983.612</b>
1. Tiền	111		5.104.539.033	1.889.983.612
2. Các khoản tương đương tiền	112		148.500.000.000	143.100.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>75.050.000.000</b>	<b>54.250.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	75.050.000.000	54.250.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.065.368.193</b>	<b>28.224.025.939</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.060.945.598	25.481.090.194
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.284.937.691	3.010.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.836.994.871	2.828.807.712
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(117.509.967)	(88.881.967)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>6.488.028.655</b>	<b>2.388.188.326</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.488.028.655	2.388.188.326
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>429.781.031</b>	<b>363.861.432</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		429.781.031	363.861.432
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.045.898.848</b>	<b>82.031.607.674</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.021.405.654</b>	<b>1.030.101.564</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.021.405.654	1.030.101.564
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.888.760.115</b>	<b>45.116.902.026</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	37.714.133.302	44.891.441.887
- Nguyên giá	222		270.760.369.043	270.650.169.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.046.235.741)	(225.758.727.156)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	174.626.813	225.460.139
- Nguyên giá	228		727.000.000	727.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(552.373.187)	(501.539.861)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>352.548.679</b>	<b>221.014.255</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		352.548.679	221.014.255
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.584.573.920</b>	<b>35.584.573.920</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	30.584.573.920	35.584.573.920
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.198.610.480</b>	<b>79.015.909</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.198.610.480	79.015.909
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>324.683.615.760</b>	<b>312.247.666.983</b>

Các Thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 01a-DN	
			Đơn vị: VND	
			30/06/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.896.111.232</b>	<b>37.655.798.620</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.896.111.232</b>	<b>37.655.798.620</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.785.954.037	12.346.189.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.108.909.036	152.000.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	2.393.281.701	9.923.236.880
4. Phải trả người lao động	314		8.676.730.922	12.005.389.827
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.813.745.451	234.063.128
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		415.419.140	970.821.257
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.702.070.945	2.024.097.609
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>296.787.504.528</b>	<b>274.591.868.363</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>296.787.504.528</b>	<b>274.591.868.363</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.749.720.000	78.749.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.749.720.000	78.749.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		141.750.428.260	113.734.763.396
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.934.695.814	80.754.724.513
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		49.529.896.979	80.754.724.513
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.404.798.835	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>324.683.615.760</b>	<b>312.247.666.983</b>

**Trần Việt Hùng**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 07 năm 2016

**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thị Hương**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**MẪU SỐ B 02a-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>68.518.140.275</b>	<b>94.391.735.078</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	<b>10</b>	<b>17</b>	<b>68.518.140.275</b>	<b>94.391.735.078</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	18	43.882.702.320	61.508.140.614
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>24.635.437.955</b>	<b>32.883.594.464</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	12.880.376.128	6.354.807.963
7. Chi phí tài chính	22		5.613.804	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	7.523.199.533	9.017.226.104
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21) - (22) - (26)}</b>	<b>30</b>		<b>29.987.000.746</b>	<b>30.221.176.323</b>
10. Thu nhập khác	31		2.398.293	167.552.536
11. Chi phí khác	32		9.522.753	135.606.610
<b>12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(7.124.460)</b>	<b>31.945.926</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>29.979.876.286</b>	<b>30.253.122.249</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	4.575.077.451	6.110.056.645
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>25.404.798.835</b>	<b>24.143.065.604</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	3.226	3.066

**Trần Việt Hùng**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 07 năm 2016

**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thị Hương**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**MÃ SỐ B 03a-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>29.979.876.286</b>	<b>30.253.122.249</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.338.341.911	8.226.076.303
Các khoản dự phòng	03	28.628.000	31.713.548
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	627.804	(1.391.786)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.880.376.128)	(6.351.416.177)
Chi phí lãi vay	06		
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>24.467.097.873</b>	<b>32.158.104.137</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	11.133.412.503	(1.404.855.079)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.099.840.329)	550.919.734
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.190.220.952)	10.330.546.904
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.185.514.170)	10.585.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.429.312.034)	(6.399.487.410)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.524.861.264)	(2.622.759.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.170.761.627</b>	<b>32.623.054.951</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.221.208.958)	(54.600.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	(2.000.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(108.300.000.000)	(23.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	87.500.000.000	18.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.468.601.681	4.938.157.563
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.552.607.277)</b>	<b>(118.442.437)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.971.125)	(31.487.747.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.971.125)</b>	<b>(31.487.747.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>8.615.183.225</b>	<b>1.016.865.514</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>144.989.983.612</b>	<b>43.814.982.598</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(627.804)	1.391.786
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>153.604.539.033</b>	<b>44.833.239.898</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**MẪU SỐ B 03a-DN**  
Đơn vị: VND

---

**Trần Việt Hùng**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hải Phòng, ngày 27 tháng 07 năm 2016*

---

**Mai Thị Yên Thế**  
**Kế toán trưởng**

---

**Hoàng Thị Hương**  
**Người lập**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là Công ty Cổ phần được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000123 ngày 27/11/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 2 ngày 11/06/2008, sửa đổi lần 3 ngày 21/06/2011 và được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827, sửa đổi lần 4 ngày 12/10/2011, sửa đổi lần 5 ngày 24/9/2015.

Vốn Điều lệ: 78.749.720.000 đồng và danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 18/01/2016 (thời điểm gần ngày phát hành báo cáo nhất do Trung tâm lưu ý chứng khoán cung cấp) như sau:

<b>Tên cá nhân/tổ chức</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Giá trị vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	Cổ phiếu	VND	%
Ông Hoàng Văn Quang	1.900.000	19.000.000.000	24,13%
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	1.900.000	19.000.000.000	24,13%
PYN E lite Fund (NON-UCITS)	759.950	7.599.500.000	9,65%
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity America LLC	648.500	6.485.000.000	8,23%
America LLC	417.990	4.179.900.000	5,31%
Cổ đông khác	2.248.532	22.485.320.000	28,55%
<b>Cộng</b>	<b>7.874.972</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>100,00%</b>

Công ty có 02 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 269 người (tại ngày 01/01/2016 là 343 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong số dự hàng tồn kho đến ngày 30/06/2016 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	83.504.395	630.344.252
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.021.034.638	1.259.639.360
Các khoản tương đương tiền (*)	148.500.000.000	143.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>153.604.539.033</b>	<b>144.989.983.612</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<b>30/06/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>75.050.000.000</b>	<b>75.050.000.000</b>	<b>54.250.000.000</b>	<b>54.250.000.000</b>
a1) Ngắn hạn	75.050.000.000	75.050.000.000	54.250.000.000	54.250.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	75.050.000.000	75.050.000.000	54.250.000.000	54.250.000.000
a2) Dài hạn	-	-	-	-
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
	<b>30/06/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (1)	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng (2)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines (3)	-	-	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (4)	22.084.573.920	-	22.084.573.920	-
<b>Cộng</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>-</b>	<b>35.584.573.920</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(1) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ với giá trị 5.500.000.000 đồng tương đương với 1.100.000 cổ phần, chiếm 2,75% vốn Điều lệ.

(2) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 2,5% vốn điều lệ.

(3) Phản ánh khoản vốn góp vào Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines với số tiền là 5.000.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ. Trong kỳ, khoản đầu tư này đã được thanh lý theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 33/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2016 về việc giải thể và hoàn trả vốn góp cổ đông. Theo đó, Công ty được nhận số tiền là 5.114.639.588 đồng.

(4) Phản ánh khoản góp vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp HĐCNVG06/2010/MHC/DXP ngày 24/12/2010. Theo đó, giá trị phần vốn sở hữu là 450.000 USD, tương đương với 15% vốn điều lệ.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>14.060.945.598</b>	<b>117.509.967</b>	<b>25.481.090.194</b>	<b>88.881.967</b>
Công ty cổ phần hàng hải VSICO	2.807.583.969	-	7.338.592.559	-
Công ty CP vận tải biển GLS	1.762.214.125	-	-	-
Chi nhánh Công ty CP vận tải biển GLS	1.730.814.800	-	-	-
Công ty VTB Container Vinalines	1.923.251.901	-	2.159.375.535	-
Công ty Cổ phần đầu tư Sakura	102.131.238	-	1.854.165.400	-
Chi nhánh CTCP Hàng Hải Liên kết Việt nam tại Hải Phòng	1.125.963.841	-	1.585.406.205	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải biển Đại Tây Dương	-	-	8.815.573.480	-
Đối tượng khác	4.608.985.724	117.509.967	3.727.977.015	88.881.967
<b>Cộng</b>	<b>14.060.945.598</b>	<b>117.509.967</b>	<b>25.481.090.194</b>	<b>88.881.967</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>1.836.994.871</b>	<b>-</b>	<b>2.828.807.712</b>	<b>-</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	1.228.256.392	-	2.316.481.945	-
Tạm ứng của nhân viên	575.161.858	-	179.838.500	-
Phải thu khác	33.576.621	-	332.487.267	-
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>1.021.405.654</b>	<b>-</b>	<b>1.030.101.564</b>	<b>-</b>
Phải thu các cá nhân về bồi thường hàng hóa	1.021.405.654	-	1.030.101.564	-
<b>Cộng</b>	<b>2.858.400.525</b>	<b>-</b>	<b>3.858.909.276</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.612.463.193	-	1.885.812.664	
Công cụ, dụng cụ	875.565.462	-	502.375.662	
<b>Cộng</b>	<b>6.488.028.655</b>	<b>-</b>	<b>2.388.188.326</b>	<b>-</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2016	56.671.515.510	7.905.014.477	204.336.846.125	1.736.792.931	270.650.169.043
Mua trong kỳ	-	110.200.000	-	-	110.200.000
Tại 30/06/2016	56.671.515.510	8.015.214.477	204.336.846.125	1.736.792.931	270.760.369.043
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2016	56.637.267.805	4.231.270.059	163.518.727.880	1.371.461.412	225.758.727.156
Khấu hao trong kỳ	5.120.634	391.199.837	6.784.604.526	106.583.588	7.287.508.585
Tại 30/06/2016	56.642.388.439	4.622.469.896	170.303.332.406	1.478.045.000	233.046.235.741
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2016	34.247.705	3.673.744.418	40.818.118.245	365.331.519	44.891.441.887
Tại 30/06/2016	29.127.071	3.392.744.581	34.033.513.719	258.747.931	37.714.133.302

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 164.551.648.128 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 164.304.648.128 đồng).

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2016	727.000.000	727.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Tại 30/06/2016	727.000.000	727.000.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại 01/01/2016	501.539.861	501.539.861
Khấu hao trong kỳ	50.833.326	50.833.326
Tại 30/06/2016	552.373.187	552.373.187
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2016	225.460.139	225.460.139
Tại 30/06/2016	174.626.813	174.626.813

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 102.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 102.000.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.785.954.037</b>	<b>4.785.954.037</b>	<b>12.346.189.494</b>	<b>12.346.189.494</b>
CN Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	2.149.035.605	2.149.035.605	6.138.024.379	6.138.024.379
Công ty TNHH Xăng dầu Tratimex	337.451.300	337.451.300	980.563.700	980.563.700
Công ty Kocks Ardelit Kranbau GMBH	766.671.000	766.671.000	-	-
Công ty cổ phần Lốp Ô tô Thăng Long	-	-	1.375.000.000	1.375.000.000
Phải trả nhà cung cấp khác	1.532.796.132	1.532.796.132	3.852.601.415	3.852.601.415
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.785.954.037</b>	<b>4.785.954.037</b>	<b>12.346.189.494</b>	<b>12.346.189.494</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.118.941.542	4.589.766.753	5.268.073.662	440.634.633
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.772.983.963	4.581.405.521	11.429.312.034	1.925.077.450
Thuế xuất nhập khẩu	-	132.138.998	132.138.998	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.311.375	254.520.345	258.262.102	27.569.618
Các loại thuế, lệ phí khác	-	14.522.753	14.522.753	-
<b>Cộng</b>	<b>9.923.236.880</b>	<b>9.572.354.370</b>	<b>17.102.309.549</b>	<b>2.393.281.701</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 78.749.720.000 đồng. Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 18/01/2016 (thời điểm gần ngày phát hành báo cáo nhất do Trung tâm lưu ý chứng khoán cung cấp) như sau:

Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
	Cổ phiếu	VND	%
Ông Hoàng Văn Quang	1.900.000	19.000.000.000	24,13%
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	1.900.000	19.000.000.000	24,13%
PYN E lite Fund (NON-UCITS)	759.950	7.599.500.000	9,65%
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	648.500	6.485.000.000	8,23%
America LLC	417.990	4.179.900.000	5,31%
Cổ đông khác	2.248.532	22.485.320.000	28,55%
<b>Cộng</b>	<b>7.874.972</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>100,00%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a- DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**b) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>109.649.718.931</b>	<b>50.115.475.161</b>	<b>239.867.574.546</b>
Trích lập các quỹ	-	-	4.085.044.465	(8.435.044.465)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(31.499.888.000)	(31.499.888.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.590.524.864	70.590.524.864
Giảm khác	-	-	-	(16.343.047)	(16.343.047)
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>113.734.763.396</b>	<b>80.754.724.513</b>	<b>274.591.868.363</b>
Trích lập các quỹ (*)	-	-	28.015.664.864	(31.215.664.864)	(3.200.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	25.404.798.835	25.404.798.835
Giảm khác	-	-	-	(9.162.670)	(9.162.670)
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>141.750.428.260</b>	<b>74.934.695.814</b>	<b>296.787.504.528</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHCD ngày 12/03/2016, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển 28.015.664.864 đồng; trích quỹ khen thưởng 2.500.000.000 đồng; trích quỹ phúc lợi 500.000.000 đồng; trích Quỹ thưởng Ban điều hành 200.000.000 đồng; chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 50%; phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:3 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và quỹ Đầu tư phát triển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**c) Cổ phiếu**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu phổ thông	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu phổ thông	7.874.972	7.874.972
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	78.749.720.000	78.749.720.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	78.749.720.000	78.749.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	31.499.888.000

**15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
a. Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	3.320,15	3.320,15
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.635.875	2.635.875

**16. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi, vận tải, bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>68.518.140.275</b>	<b>94.391.735.078</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</b>	<b>68.518.140.275</b>	<b>94.391.735.078</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.882.702.320	61.508.140.614
<b>Cộng</b>	<b>43.882.702.320</b>	<b>61.508.140.614</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	6.060.280.292	10.908.464.605
Chi phí nhân công	16.583.099.261	25.836.908.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.338.341.911	8.226.076.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.554.953.918	21.440.935.644
Chi phí khác	3.869.226.471	4.112.981.787
<b>Cộng</b>	<b>51.405.901.853</b>	<b>70.525.366.718</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.765.736.540	3.803.416.177
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	7.000.000.000	2.550.000.000
Lãi thanh lý khoản đầu tư (**)	114.639.588	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.391.786
<b>Cộng</b>	<b>12.880.376.128</b>	<b>6.354.807.963</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty nhận được cổ tức đợt 2 năm 2015 từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ là 5.500.000.000 đồng; lợi nhuận năm 2015 từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao là 1.500.000.000 đồng

(\*\*) Là khoản lãi từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.040.544.917	4.568.183.480
Chi phí vật liệu quản lý	154.482.756	182.234.091
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.794.546	68.597.138
Chi phí khấu hao TSCĐ	139.588.728	223.367.929
Thuế, phí và lệ phí	1.682.049.000	1.682.049.000
Chi phí ích vụ mua ngoài	541.499.090	297.449.753
Chi phí dự phòng	28.628.000	31.713.548
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.841.612.496	1.963.631.165
<b>Cộng</b>	<b>7.523.199.533</b>	<b>9.017.226.104</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>29.979.876.286</b>	<b>30.253.122.249</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(7.104.489.031)</b>	<b>(2.480.137.500)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(7.114.639.588)	(2.550.000.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.150.557	69.862.500
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>22.875.387.255</b>	<b>27.772.984.749</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.575.077.451</b>	<b>6.110.056.645</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.404.798.835	24.143.065.604
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình qu ân trong kỳ	7.874.972	7.874.972
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.226</b>	<b>3.066</b>

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.604.539.033	144.989.983.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.226.674.298	29.071.279.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.050.000.000	54.250.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	30.584.573.920	35.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>275.465.787.251</b>	<b>263.895.836.535</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.201.373.177	13.317.010.751
Chi phí phải trả	7.813.745.451	234.063.128
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.015.118.628</b>	<b>13.551.073.879</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện ít các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>Tại 30/06/2016</b>	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.604.539.033	-	153.604.539.033
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.205.268.644	1.021.405.654	16.226.674.298
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.050.000.000	-	75.050.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	30.584.573.920	30.584.573.920
<b>Cộng</b>	<b>243.859.807.677</b>	<b>31.605.979.574</b>	<b>275.465.787.251</b>
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.201.373.177	-	5.201.373.177
Chi phí phải trả	7.813.745.451	-	7.813.745.451
<b>Cộng</b>	<b>13.015.118.628</b>	<b>-</b>	<b>13.015.118.628</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>230.844.689.049</b>	<b>31.605.979.574</b>	<b>262.450.668.623</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.989.983.612	-	144.989.983.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.041.177.439	1.030.101.564	29.071.279.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.250.000.000	-	54.250.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>Cộng</b>	<b>227.281.161.051</b>	<b>36.614.675.484</b>	<b>263.895.836.535</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	13.317.010.751	-	13.317.010.751
Chi phí phải trả	234.063.128	-	234.063.128
<b>Cộng</b>	<b>13.551.073.879</b>	<b>-</b>	<b>13.551.073.879</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>213.730.087.172</b>	<b>36.614.675.484</b>	<b>250.344.762.656</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**25. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 1.500.000.000 đồng, là số tiền cổ tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao thông qua hình thức bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả.

**26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Như trình bày tại thuyết minh số 14, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHCD ngày 12/03/2016, Đại hội đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 50%; phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:3 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và quỹ Đầu tư phát triển.

Ngày 12/07/2016, Công ty đã ban hành Thông báo số 04/DXP-THQ về ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần là ngày 29/07/2016.

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 đã được so sánh.

**Trần Việt Hùng**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 07 năm 2016

**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thị Hương**  
Người lập